

KẾT HỢP TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VỚI TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI Ở VIỆT NAM

(tiếp theo và hết)

PHẠM XUÂN NAM^(*)

III. Kiến nghị cụ thể hóa hệ quan điểm

Từ những điều đã trình bày ở trên, một vấn đề có ý nghĩa vừa cơ bản vừa cấp bách được đặt ra đối với giới nghiên cứu lý luận và hoạt động thực tiễn ở nước ta hiện nay là cần phải làm gì và làm như thế nào để góp phần phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những hạn chế và yếu kém còn tồn tại của quá trình phát triển kinh tế - xã hội thời gian qua, trên cơ sở đó thực hiện tốt hơn việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội từ nay đến năm 2020?

Thật ra, không có câu trả lời dễ dàng, giản đơn cho câu hỏi được đặt ra trên đây. Tuy vậy, căn cứ vào quan điểm tổng quát của Đảng, vào những kinh nghiệm thực tế - cả thành công và không thành công – trong tiến trình đổi mới ở nước ta hơn 20 năm qua, đồng thời tham khảo kinh nghiệm của thế giới, chúng tôi xin nêu một số kiến nghị như sau^(*):

Một là, trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội có

thể và cần phải làm tiền đề và điều kiện cho nhau. Tăng trưởng kinh tế tạo điều kiện vật chất để thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; đến lượt nó, thực hiện tốt tiến bộ và công bằng xã hội lại trở thành động lực tinh thần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Không thể có tiến bộ và công bằng xã hội trên cơ sở một nền kinh tế kém hiệu quả, chất lượng thấp, thậm chí có lúc rơi vào trì trệ, suy thoái hoặc khủng hoảng. Cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với đa số lao động chỉ có trình độ học vấn và tay nghề thấp; một tỷ lệ đáng kể dân cư còn nghèo do thất nghiệp hoặc thiếu việc làm...

Hai là, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội phải được tiếp tục thực hiện ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển, như Đảng ta đã đề ra. Không chờ đợi đến khi kinh tế đạt đến trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không hy sinh tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần vì lợi ích của một thiểu số. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều

^(*) Xem thêm Phạm Xuân Nam (chủ biên): Quản lý sự phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng. H.: Chính trị quốc gia, 2001, tr. 77-81

^(*) GS., TS. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

phải hướng tới bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; mỗi chính sách bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội đều phải góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài. Bất cứ một sai sót, thiên lệch nào trong thiết kế và thực thi một chính sách kinh tế hay một chính sách xã hội nào đó đều sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực đến mục tiêu này hay mục tiêu khác của tiến trình phát triển kinh tế - xã hội, thậm chí có khi gây tác hại đến cả hai loại mục tiêu.

Ba là, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội không thể chỉ dựa vào việc điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Kế thừa và phát huy thành quả của tiến trình đổi mới hơn 20 năm qua, giờ đây chúng ta có thêm tiền đề và điều kiện cần thiết để bảo đảm cho mọi người dân, nhất là những người thuộc các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương, đều có cơ hội tiếp cận công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, đào tạo, y tế, việc làm, tín dụng, bảo trợ xã hội, tư vấn pháp luật... để họ có thể lo liệu và dần dần cải thiện cuộc sống của bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước.

Bốn là, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, đa sở hữu, phải triệt để khắc phục những tàn dư của chế độ phân phối bình quân, chia đều các nguồn lực và của cải làm ra, bất chấp chất lượng hiệu quả của sản xuất, kinh doanh và sự đóng góp công sức, trí tuệ, tài sản của mỗi người cho sự phát triển chung của đất nước, như sai lầm trong thời kỳ trước đổi mới. Cũng không thể dồn phần lớn của cải làm ra để thực hiện các chính sách bảo đảm tiến bộ và

công bằng xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép. Bởi như vậy thì sẽ làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khiến cho kinh tế trì trệ, suy thoái và rốt cuộc cũng không thực hiện được các chính sách xã hội theo hướng tiến bộ và công bằng. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi chính sách cụ thể của quá trình phát triển đất nước phải tìm ra đúng cái "độ" hợp lý trong việc kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội sao cho hai mặt này không cản trở, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến tới.

Năm là, kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển đòi hỏi phải hết sức quan tâm đến phát triển văn hóa. Văn hóa, hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm cả tư tưởng, đạo đức, lối sống, giáo dục, khoa học, thông tin đại chúng..., chứ không chỉ là văn học, nghệ thuật. Theo nghĩa đó, một nhiệm vụ quan trọng của quản lý sự phát triển xã hội là phải làm sao đưa các nhân tố văn hóa, tinh thần nhân văn thấm sâu vào toàn bộ đời sống xã hội và quan hệ con người: từ cách ứng xử trong gia đình, trường học, xã hội đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh, giao tiếp... Để thực hiện được điều này, Đảng và Nhà nước cần thực sự coi giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu, không ngừng nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân cách, trọng dụng hiền tài, từng bước xây dựng một xã hội tri thức dựa trên nền tảng kinh tế tri thức, rất tiến bộ và rất nhân văn, vừa phát huy các giá trị tốt đẹp của văn hóa dân tộc vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, bảo đảm cho sự phát

triển kinh tế - xã hội nhanh, lành mạnh và bền vững của đất nước.

Sáu là, để có thể kết hợp tốt giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thì vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là hết sức quan trọng. Do tác động của các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung cầu, kinh tế thị trường có mặt mạnh cơ bản là luôn kích thích việc cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Nhưng vì bị chi phối bởi động cơ lợi nhuận, kinh tế thị trường không tránh khỏi các yếu tố tự phát vô chính phủ và nhất là không thể tự động dẫn đến tiến bộ và công bằng xã hội. Do đó, Nhà nước XHCN phải biết tận dụng mặt mạnh của cơ chế thị trường để năng động hóa và phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời phải sử dụng đúng đắn các công cụ pháp luật, chính sách, kế hoạch và sức mạnh vật chất của kinh tế nhà nước để khắc phục những khuyết tật của thị trường nhằm bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân.

IV. Kiến nghị một số hướng giải pháp cơ bản

Hệ quan điểm cụ thể vừa nêu ở trên cần được vận dụng một cách nhuần nhuyễn để xác định những hướng giải pháp cơ bản nhằm bảo đảm tốt hơn tiến bộ và công bằng xã hội trong quá trình nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN.

Một là, trong thời kỳ từ nay đến năm 2020 và có thể cả thập niên tiếp theo của thế kỷ XXI nữa, Nhà nước cần có chiến lược, chính sách và lộ trình thích hợp để chuyển mạnh từ phương thức phát triển theo chiều rộng sang phương thức phát triển theo chiều sâu dựa trên cơ sở ứng

dụng thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại, với đa số lao động có trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cao, có khả năng đi vào lĩnh vực thiết kế, chế tạo thuộc các ngành công nghệ mũi nhọn, làm ra sản phẩm có giá trị gia tăng cao, với thương hiệu uy tín trên thị trường trong nước và thế giới. Nhờ vậy mà kinh tế nước nhà sẽ tăng trưởng nhanh hơn, với chất lượng cao hơn, và do đó người lao động cũng có thu nhập xứng đáng để không ngừng cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của chính mình. Về thực chất, đây chính là cách đưa các nhân tố tiến bộ và công bằng xã hội, mà trung tâm là sự phát triển con người, chuyển nhập vào bên trong phương thức phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta.

Hai là, các chính sách quản lý cụ thể của Nhà nước cũng cần được cải tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình doanh nghiệp, mọi tầng lớp dân cư đều có cơ hội tiếp cận công bằng các yếu tố "đầu vào" của sản xuất kinh doanh. Các yếu tố "đầu vào" này bao gồm cả hữu hình và vô hình như đất đai, tín dụng, kỹ thuật, môi trường kinh doanh, thông tin kinh tế... Triệt để xóa bỏ cơ chế xin - cho và những tàn dư của kiểu quản lý hành chính mệnh lệnh với quá nhiều thủ tục phiền hà, gây khó khăn cho hoạt động bình thường của các doanh nghiệp.

Ba là, đối với các kết quả "đầu ra" của quá trình sản xuất kinh doanh, cần tiếp tục thực hiện tốt hơn nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào quá trình sản xuất, kinh doanh.

Việc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế được xem là chủ yếu vì chính lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả mới thực sự là nguồn gốc quan trọng nhất tạo ra mọi của cải cho xã hội. Nhưng trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, thì ngoài phân phối theo kết quả lao động, việc phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh cũng phải công bằng.

Dĩ nhiên thừa nhận điều này cũng có nghĩa là chấp nhận sự tồn tại của quan hệ bóc lột giá trị thặng dư ở một phạm vi nhất định. Song đây là điều không thể tránh khỏi, khi trình độ lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp, thì việc thu hút vốn, công nghệ của các công ty tư bản nước ngoài cũng như các doanh nghiệp tư nhân trong nước đầu tư vào các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ ở nước ta, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống nhân dân vẫn còn là yêu cầu khách quan tất yếu.

Các nhà sáng lập CNXH khoa học từng chỉ ra rằng: biện chứng của lịch sử là ở chỗ, xã hội loài người phải đi qua "vương quốc tất yếu" mới đến được "vương quốc tự do". K. Marx viết: "Người ta mỗi lần đều giành được tự do [ở đây là tự do thoát khỏi bóc lột - PXN] chừng nào việc đó không phải do lý tưởng về con người mà do lực lượng sản xuất hiện hành quyết định và cho phép" (9, tr. 632-633).

Chỉ có điều Nhà nước cần kịp thời bổ sung, sửa đổi những điều khoản, những quy định không còn phù hợp trong các đạo luật và chính sách có liên quan

nhằm thực hiện hài hòa lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động, bảo đảm cho người lao động không bị chủ tư bản bóc lột quá mức mà có thu nhập xứng đáng với giá trị hao phí sức lao động đã được xã hội thừa nhận.

Bốn là, trong khi thực hiện đầu tư các nguồn lực của Nhà nước cho phát triển, cần có quy hoạch và kế hoạch cụ thể để cân đối hợp lý mức đầu tư cho các vùng lãnh thổ khác nhau. Việc dành mức đầu tư cao hơn cho các vùng kinh tế động lực là rất cần thiết nhằm tạo ra những "đầu tàu" tăng trưởng để kéo toàn bộ "đoàn tàu" kinh tế Việt Nam đi lên. Song không thể không chú ý đầu tư thích đáng cho các vùng khác, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm giảm dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng, từng bước khắc phục tình trạng "bất công tự nhiên" và "bất công do lịch sử để lại", giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm cho sự phát triển xã hội trên nguyên tắc tiến bộ và công bằng gắn liền với tăng trưởng kinh tế của tất cả các vùng miền trong nước.

Năm là, trong số những chính sách có liên quan đến phân phối lại tổng thu nhập quốc dân, không nên chỉ đặt vấn đề phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Bởi lẽ khái niệm phúc lợi xã hội chỉ giới hạn trong phạm vi những lợi ích chung mà mọi người dân đều được hưởng như nhau. Còn trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay, các đối tượng của các chính sách xã hội là rất đa dạng, do đó cần mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành *hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc*.

Hệ thống đó bao gồm: i) *Chính sách ưu đãi xã hội* nhằm bảo đảm mức sống ít

nhất trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến trước đây; ii) *Chính sách bảo hiểm xã hội* nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho những lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật, tuổi già...); iii) *Chính sách trợ cấp xã hội* để trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ...; iv) *Chính sách cứu tế xã hội* để cứu mang những người bị thiệt hại nặng do thiên tai, dịch họa hoặc rủi ro trong cuộc sống; v) *Chính sách tương trợ xã hội* nhằm phát huy truyền thống tương thân tương ái, “lá lành đùm lá rách” trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống.

Sáu là, cần tiến hành một cuộc đấu tranh không khoan nhượng, có sự chỉ đạo sát sao từ cấp cao nhất, sử dụng nhiều "binh chủng hợp thành", nhiều biện pháp kết hợp để ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những hiện tượng làm giàu phi pháp, vì đây chính là nhân tố vừa làm tổn hại đến tăng trưởng kinh tế chung vừa cản trở tiến bộ xã hội và tạo ra bất công xã hội lớn nhất.

Những kẻ làm giàu phi pháp hiện nay chủ yếu thuộc hai nhóm: nhóm thứ nhất là bọn buôn gian, bán lận, lừa đảo, đầu cơ trên thương trường; nhóm thứ hai là những cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất chỉ lo tìm cách lợi dụng vị thế và quyền lực được giao (nhất là trong các lĩnh vực địa chính - nhà đất, xây dựng cơ bản, tài chính doanh nghiệp nhà nước, thuế vụ, hải quan...) để đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân. Hơn nữa, thực tế nhiều vụ án kinh tế lớn còn

cho thấy rõ có sự móc ngoặc tình vi giữa hai nhóm trên.

Cả hai nhóm này đều có lợi ích đối kháng với lợi ích của toàn xã hội. Chúng phải bị pháp luật trừng trị và xóa bỏ. Nếu để cho chúng tiếp tục phát triển và câu kết chặt chẽ với nhau thì sớm muộn chúng sẽ ngang nhiên phá hoại sự nghiệp đổi mới ngay từ bên trong, biến nền kinh tế thị trường định hướng XHCN thành nền kinh tế thị trường "hoang dã", vừa cản trở tăng trưởng kinh tế nhanh, lành mạnh và bền vững vừa kìm hãm tiến bộ và công bằng xã hội, gây bất bình trong quảng đại nhân dân, tạo thành nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của sự nghiệp **dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh** mà toàn Đảng, toàn dân ta đang ra sức phấn đấu để đạt tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. H.: Sự thật, 1987.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. H.: Sự thật, 1991.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. H.: Chính trị quốc gia, 2001.
4. Tổng cục Thống kê. Niên giám thống kê năm 2008. H.: Thống kê, 2009.
5. Nguyễn Thị Kim Ngân. Triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện thắng lợi chủ trương của Đảng về các vấn đề xã hội. *Tạp chí Cộng sản*, số 4, năm 2008.
6. Cơ quan Đại diện Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Đưa các mục tiêu Thiên niên kỷ đến với người dân. H., 2002.

7. UNDP. Human development report 2009. New York, 2009.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện
- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.
9. C. Mác và Ph. Ăngghen. Toàn tập, tập 3. H.: Chính trị quốc gia, 1995.

(Tiếp theo trang 54)

Chương IV, *Kế thừa và phát huy giá trị của trò diễn trong lễ hội đương đại* (tr.150 - 175)

Trò diễn dân gian nằm trong kho tàng tri thức văn hóa dân tộc bắt nguồn từ một ý thức tốt đẹp như nhắc nhở nhân dân về một cội nguồn. Trò diễn dân gian có khả năng quy tụ lòng người trong cộng đồng về một mối - *giá trị gắn kết cộng đồng* của trò diễn như một nhu cầu tất yếu của xã hội nông nghiệp khi phải đương đầu với thiên tai, với kẻ thù xâm lược. Tham gia vào các trò diễn, con người có thể giải tỏa được các xúc cảm, thỏa mãn được nhu cầu vui chơi giải trí. Đây chính là *giá trị hưởng thụ văn hóa* của trò diễn dân gian và nói đến trò diễn, theo tác giả, không thể không nhắc đến *giá trị bảo tồn và làm giàu bản sắc của lễ hội*. Có thể nói trò diễn là một trong những hạt nhân cơ bản, là linh hồn để tạo dựng nên lễ hội, chính nó đã tạo nên tính đa dạng hấp dẫn cho lễ hội. Nếu đánh mất trò diễn, có lẽ lễ hội sẽ trở nên nhạt nhẽo bởi sự giống nhau đồng loạt.

Phân tích làm rõ những giá trị của trò diễn trên, tác giả cho rằng, vấn đề bảo tồn và gìn giữ kho tàng tri thức dân gian nói chung và các trò diễn đặc sắc trong các lễ hội nói riêng là hết sức cần thiết và cần phải có sự kết hợp của nhiều cơ quan chức năng: từ Chính phủ với vai trò lãnh đạo, từ các nhà khoa học với nhiệm vụ đánh giá thẩm định và từ chính những người dân, nơi tổ chức trò diễn với khả năng sáng tạo, hoàn thiện, bổ sung và làm giàu thêm kho tàng trò diễn dân gian. Để trò diễn dân gian tồn tại và có một sức sống bền bỉ thì các nhà quản lý cần quan tâm tới việc bảo

vệ trò diễn trong một chỉnh thể, trong môi trường diễn xướng được gắn kết trong lễ hội, phải sử dụng khai thác trò diễn để nó có thể phát triển bền vững, và quan trọng nhất chính là phải căn cứ điều kiện thực tế tại địa phương nơi lưu giữ các trò diễn để đưa ra những giải pháp bảo tồn phù hợp.

Thay cho lời kết, tác giả khẳng định châu thổ Bắc bộ là đồng bằng châu thổ lớn, nơi đây cũng là cái nôi hình thành cộng đồng dân tộc Việt. Dù trải qua bao nhiêu cuộc hưng vong trong tiến trình lịch sử, cộng đồng người Việt đã tạo ra trên mảnh đất này một không gian văn hóa phản ánh cái phần của tự nhiên được họ cải biến và gắn bó một cách hữu cơ. Không gian châu thổ Bắc bộ, với những biến đổi về mọi mặt, dù thuận lợi hay bất lợi, đã làm bộc lộ năng lực cải biến và thích ứng với nó của người dân nơi đây. Tất cả những đặc điểm này đều in vào và để lại trong trò diễn nói riêng và lễ hội dân gian của người Việt nói chung ở vùng châu thổ này. Trong xu thế "về nguồn", tìm lại tinh hoa trong di sản văn hóa dân tộc, nhiều địa phương thuộc vùng châu thổ Bắc bộ đã khôi phục lại trò diễn trong việc tổ chức lễ hội, với mong muốn gìn giữ kho tàng tri thức dân gian để trò diễn vẫn giữ được sức sống bền bỉ và phát huy những giá trị tích cực của văn hóa cổ truyền trong điều kiện mở cửa và hội nhập của đất nước hiện nay.

Luận án đã được bảo vệ thành công tại Hội đồng chấm luận án cấp Nhà nước, họp tại Viện Nghiên cứu Văn hóa, Viện Khoa học xã hội Việt Nam, tháng 8/ 2008.

MINH HÀ
giới thiệu